

# ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

**Đại Bi Tâm Đà La Ni** (Mahā-kāraṇika-citta-dhāraṇī) là bài Chú căn bản minh họa Công Đức Nội Chứng của Đức **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara Bodhisatva). Bài Chú này có các tên gọi là: Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni, Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni... và thường gọi tắt là **Chú Đại Bi**

Theo Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni do Ngài **Già Phạm Đạt Ma** (Bhagavad-Dharma) dịch thì bài Chú Đại Bi có 9 tên gọi là:

- 1) Quảng Đại Viên Mãn Đà La Ni
- 2) Vô Ngại Đại Bi Đà La Ni
- 3) Cứu Khổ Đà La Ni
- 4) Diên Thọ Đà La Ni
- 5) Diệt Ác Thú Đà La Ni
- 6) Phá Nghiệp Chướng Đà La Ni
- 7) Mãn Nguyên Đà La Ni
- 8) Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni
- 9) Tốc Siêu Thánh Địa Đà La Ni

Nếu dựa vào Truyền Thống phổ thông thì Bài Chú Đại Bi này thường được xưng tán là **Tâm Chú** (Citta-mantra) của Đức Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhưng theo Truyền Thống Mật Giáo, hầu hết các bài Đà La Ni của các vị Quán Âm đều được xưng tán là Đại Bi Tâm Đà La Ni. Do vậy các Giáo Đồ Phật Giáo thường ngộ nhận bài Chú của Tôn này với Tôn khác.

Trong **Chư Môn Phổ Truyền Chân Ngôn Tập** do Ngài Tây Khang NẶC NA Hộ Đồ Khắc Đồ truyền thụ và đệ tử **Ngô Nhuận Giang** biên thuật có ghi bài Đại Bi Tâm Chú là

NAMO RATNA-TRAYĀYA  
NAMO BHAGAVATE MAHĀ-KARUṆIKĀYA-VAJRA-SĀRA  
PRAMARTHANI TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA  
TADYATHĀ: OM DHARA DHARA DHIRI DHIRI DHURU DHURU  
INTE VANTE (? ITI VATI) CALE CALE PRACALE PRACALE SARVA  
KLEŚA SARVA KARMA ĀVARAṆANI ŚUDDHE ŚUDDHE VIŚUDDHE  
VIŚUDDHE GAGANA SVABHĀVA VIŚUDDHE SVĀHĀ

Bài Chú trên chính là Đại Chú của Thập Nhất Diện Quán Âm

Ngoài ra câu Chú OM MAṆI PADME HŪM cũng thường được gọi là Đại Bi Tâm Chú.

Theo sự khảo cứu của chúng tôi thì bài Chú Đại Bi thường dùng chính là Tâm Chú của Đức **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát** (Nīlakaṇṭha-avalokiteśvara Bodhisatva) và được lưu truyền dưới 2 dạng là bản dài với bản ngắn

1 Bản dài (Quảng Bản) được ghi nhận qua các bài: **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát Đà La Ni** (Ngài Bất Không dịch), **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Nễ La Kiến Tha Đà La Ni** (Ngài Kim Cương Trí dịch), **Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni** (Ngài Chỉ Không dịch), **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Chú** (Ngài Kim Cương Trí dịch)

2) Bản ngắn (Lược Bản) được ghi nhận qua các bài: **Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Tự Tại Vương Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Tự Tại Thanh Cảnh Đại Bi Tâm Đà La Ni** (Ngài Bất Không dịch), **Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Bi Tâm Đà La Ni** (Ngài Bất Không dịch), **Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni** (Ngài Già Phạm Đạt Ma dịch)

Do các bản Chú Văn có nhiều loại phiên dịch nên chương cú cũng dựa theo các Kinh Văn mà có sự khác biệt kể cả số lượng câu và Phạm Ngữ. Có điều hầu hết các Kinh Bản ấy đều công nhận là tụng bài Chú này sẽ thành tựu 4 Pháp: Tức Tai, Tăng Ích, Giáng Phục, Kính Ái và Câu Triệu

**Tức Tai** (Sāntika) là Pháp tu tiêu trừ các bệnh nạn, việc ác của mình với người khác

**Tăng Ích** (Puṣṭika) là Pháp tu tăng ích về Trí Tuệ, Phước Đức, Thọ Mệnh của mình và người khác

**Giáng Phục** (Abhicāruka) là Pháp tu chiết phục các nhóm ác hoặc điều phục các kẻ ác

**Kính Ái** (Vaśikarāṇa) là Pháp tu cho mình và người khác được chư Phật gia hộ, hoặc muốn được Quân Vương và mọi người yêu thương giúp đỡ

**Câu Triệu** (Ākarṣaṇi) là Pháp Thỉnh Triệu Bản Tôn. Vì Pháp Câu Triệu thường được nhiếp trong Pháp Kính Ái nên chỉ nói 4 Pháp

Về nghĩa thú của Đà La Ni. Thông thường Hành Giả chỉ hiểu biết được qua lời giảng giải của Bậc **Đạo Sư** (Guru) và hoàn toàn thấu hiểu khi đã thâm nhập vào **Tất Địa** (Siddhi: Thành Tựu) của Đà La Ni. Ngoài ra vì 5 duyên có (Tâm Niệm bí mật, Nghĩa Lý bí mật, Danh Tự bí mật, Âm Thanh bí mật, sự Thiện Sinh bí mật) nên Đà La Ni không được phiên dịch hoặc giảng nghĩa. Do vậy, thông lệ cổ xưa là chỉ trao truyền câu chữ của Đà La Ni chứ không dạy nghĩa lý của Chú. Sự kiện này có lợi là nhờ Tâm an định, tin tưởng chí thành, nhất Tâm trì tụng Đà La Ni nên uy lực thâm kín của âm thanh Chú Ngữ tác động lên thân tâm mà Hành Giả dễ cảm ứng và mau chóng khế hợp với Bản Tôn Đà La Ni, thọ hưởng mùi vị của **Diệu Pháp** (Saddharma).

Tuy nhiên, đối với hàng căn cơ yếu kém chậm lụt thì sự định Tâm phóng Ý thường sai lệch với ý chỉ của Bản Tôn. Hoặc do Kinh Văn thừa thiếu, không đủ nghi tắc tu trì, thiếu nơi chốn thích hợp... nên hao tổn rất nhiều công phu mà thành quả gặt hái được chẳng đáng là bao! ...Cuối cùng nhiều người đành buông bỏ sự tu trì Mật Pháp, thậm chí còn chê bai Chú Ngữ?! ... Đây là chưa kể đến việc chướng ngại qua sự chỉ trích của nhiều Hệ Phái khác như: **“Tu Trì cái gì mà chẳng biết ý nghĩa của nó. Nào có khác chi kể tít mũi cứ khen mùi hương của thực phẩm mà chính mình không nếm được. Thật mê muội đáng thương!...”**

Điều nguy hại khác nữa là nương vào thông lệ **“Truyền âm chữ chứ không truyền nghĩa lý”** một số Tà Sư và Tà Thần đã chỉ dạy cho người tu học tụng trì những câu Chú Nguyện **“Thề muôn đời làm nô lệ, tôi tớ chỉ phục vụ cho Thầy cho Thần”** nên kết quả cuối cùng lại là sự đọa lạc muôn kiếp, khó có dịp thoát khỏi sự khổ đau trôi buộc.

Lại nữa, nếu chỉ dựa vào âm chữ mà không thông hiểu nghĩa lý thì nhiều khi Hành Giả phải chịu sự tác dụng ngược của việc truyền thụ thiếu âm chữ của Chú

\_ Như Kinh **Đại Cát Tường Thiên Nữ 12 Khế 108 Danh Vô Cấu Đại Thừa** do Ngài Bất Không dịch thì âm chữ Hán của câu 37 và câu 38 của bài Đại Cát Tường Chân Ngôn ghi là :

**“ Tát phộc lạc khát-sử nhĩ, bát-la xá ma ninh, sa-phộc ha “**

Nếu chuyển âm theo Phạm Ngữ thì 2 câu trên được ghi nhận là :

SARVA LAKṢMI PRAŚAMANI SVĀHĀ (Tiêu diệt tất cả điều tốt lành, quyết định thành tựu)

Trong khi đó câu đúng phải là :

SARVA ALAKṢMI PRAŚAMANI SVĀHĀ (Tiêu diệt tất cả điều chẳng tốt lành, quyết định thành tựu)

\_ Trong Bài Đại Bi Tâm Đà La Ni, câu 51 và câu 52, do Ngài Già Phạm Đạt Ma dịch, ghi là:

“ **Bà dạ ma na, sa bà ha** “

Chuyển theo Âm Phạn là BHAYA MAṆA SVĀHĀ (Quyết định thành tựu Tâm Ý sợ hãi)

Trong khi câu đúng là ABHAYA MAṆA SVĀHĀ (Thành tựu Tâm ý của bậc không sợ hãi )

Lý do truyền âm chữ bị thiếu này là khi dịch Âm Phạn ra Âm Hán, Dịch Giả đã lược bỏ âm liên kết của chữ trước với chữ sau và điều này thường xảy ra với nhiều bài Chú âm Hán

Ví dụ: Trong Bài Chú Đại Bi có ghi câu: “**Na mô A li gia bà lô yết đế thước bát la gia**”

Phạn Ngữ của câu này được ghi là NAMAḤ ĀRYĀVALOKITEŚVARĀYA

Tách âm nghĩa là NAMAḤ (Kính lễ) ĀRYA (Thánh) AVALOKITEŚVARĀYA (Quán Tự Tại)

Do nhận thấy sự tai hại này, các Bậc Đạo Sư **phái Hoàng Mạo** (Gelugpa) của Tây Tạng thường truyền dạy một lúc cả âm chữ và nghĩa lý của bài Chú. Ngoài ra các vị ấy thường khuyên dạy là :

***“Bạn phải xét cho kỹ cái Pháp mà bạn sẽ dùng làm Pháp Tu cho bạn. Nếu nó giúp cho bạn nhận ra rằng mọi Giáo Lý đều ăn khớp với nhau, mọi Kinh Điển đều trở thành những lời chỉ giáo giúp cho bạn dễ dàng tìm ra chân lý của Đức Phật và giúp bạn tự mình thoát khỏi những Tà Hạnh tệ nhất thì bạn hãy tu trì Pháp ấy”***

Ngài Sakya Pandit có nói:

“ *Khi bạn kinh doanh buôn bán*

*Như lái ngựa, buôn châu báu*

*Bạn nghi vấn đủ điều*

*Và bạn khám xét mọi mặt*

*Tôi thấy bạn cần mãi làm sao*

*Với những việc vặt vãnh của đời này*

*\_ Những đời tương lai, bạn tốt hay xấu*

*Đều tùy thuộc vào Pháp vi diệu*

*Ấy mà bạn xử sự với Pháp đó*

*Như con chó ngón ngấu đồ ăn*

*Bạn thành kính đón nhận bất kỳ gì gặp được*

*Mà không xem trước cho kỹ*

*Để biết nó là Chánh hay Tà”*

Kinh Dhamma Dōsa có ghi: “ *Hãy đến đây, người Kâlâma! Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì ta nghe thấy có người ấy nói điều ấy một lần rồi. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy được truyền lại từ xưa. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy đã được đồn từ phương xa đến. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy được viết ra từ Kinh Sách. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì chính ta đã ước đoán và nêu ra như thế. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì chính ta đã suy diễn và nói ra như thế. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy hợp với những thành kiến của ta. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì tính cách có thể chấp nhận được của điều ấy. Đừng chấp nhận điều gì*

*chỉ vì sự kính trọng của ta đối với người nói ra điều ấy.... Mà hỡi người Kâlâma! Chỉ khi nào tự các người, các người hiểu rõ ràng điều ấy đúng với Đạo Lý, không có gì để chê trách, lại được các Bậc thiện Tri Thức Thiện Tâm tán đồng và có khả năng mang lại an vui hạnh phúc chân thật, thì các người phải thực hành đúng như điều ấy”*

(Bản dịch của ông **Đoàn Trung Còn**)

Theo Mật Tông Phật Giáo thì **Đà La Ni** (Dhāraṇī: Tổng Trì) có diệu dụng là tạo ra sự suy nghĩ cho Hành Giả, giữ gìn và thu tóm nghĩa lý làm tiền đề cho việc tham khảo của Hành Giả tức là Đề Mục của sự Trì Niệm Quán Tưởng nhằm đi vào Chính Định để phát sinh Trí Tuệ. Do vậy Đà La Ni còn được gọi là **Minh Chú** (Vidyamantra) tức là bài Chú có ý nghĩa rõ ràng trong sáng nhằm nắm giữ Pháp Lành không cho tản mát (tức là Trì: Dhāra) chế ngự Pháp Ác không cho nổi lên (tức là cột trói: Bandha) và sinh ra mọi diệu dụng (tức Tất Địa: Siddhi). Lại nữa, do Tâm Nguyên Từ Bi, các bậc Chính Đẳng Chính Giác, Bồ Tát, bậc Thánh Giải Thoát thường tuyên phát Đà La Ni trong lúc nhập định nhằm hiển bày Thần Lực vi diệu giúp cho người Tu Hành mau chóng **Dứt Khổ trừ mê** nên Đà La Ni còn được gọi là **Thần Chú** (Mantra). Ngoài ra Đà La Ni còn diễn tả sự chân thật chân chính của một hay nhiều Giáo Pháp nên còn gọi là Chân Ngôn.

Như vậy, ngoài uy lực nhiếp trì gia hộ, Đại Bi Tâm Đà La Ni còn hàm chứa đường lối tu tập rõ ràng giúp cho Hành Giả nắm vững được Giáo Pháp giải thoát từ sơ học tiến dần đến quả vị Vô Thượng Bồ Đề.

Riêng về Nghi Quỹ tu Pháp **Đại Bi Tâm Đà La Ni** thì **Mật Tạng** có ghi nhận hai bản dịch là:

— **Đại Bi Tâm Đà La Ni Tu Hành Niệm Tụng Lược Nghi** (No.1066) do ngài Đại Quang Trí **Bất Không** dịch.

Nội dung Kinh bản này nói về quy tắc giản lược về pháp tu hành niệm tụng lược bản **“Đại Bi Tâm Đà La Ni”** với phương cách Quán Tưởng, kết Ấn niệm Chân Ngôn.

— **Kim Cương Đỉnh Du Già Thanh Cảnh Đại Bi Vương Quán Tự Tại Bồ Tát Niệm Tụng Nghi Quỹ** (No.1112) do Tam Tạng Pháp Sư **Kim Cương Trí** dịch

Nội dung Kinh bản này nói về quy tắc về pháp tu hành niệm tụng quảng bản **“Đại Bi Tâm Đà La Ni”** với phương cách Quán Tưởng, kết Ấn niệm Chân Ngôn.

Ngoài hai bản dịch trên, các bậc Đạo Sư Trung Hoa còn lưu truyền một số nghi thức niệm tụng **Đại Bi Chú** như **Đại Bi Chú Niệm Tụng Nghi Quy**, **Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Chú Hành Pháp**, **Đại Bi Sám Pháp.....**

Người muốn tu trì Chú Đại Bi, trước tiên phải phát khởi Tâm cảm ơn sự trong sạch của nguồn Pháp, quy mệnh Bản Tôn Đại Bi Thanh Cảnh Quán Âm cùng với Thần Chú này. Tiếp theo khẩn cầu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát giúp đỡ chúng ta đến được cảnh giới viên mãn thanh tịnh, đập nát tất cả chướng ác. Ngoài ra chúng ta cần phải nhớ trì mười loại tướng mạo Đà La Ni này, nhằm tăng cường thêm cho uy lực của Chú Đại Bi.

**1\_ Tâm Đại Từ Bi:** Đại Từ (Mahā-maitri) là giúp cho chúng sinh vui vẻ, Đại Bi (Mahā-kāruṇa) là nhổ sạch khổ đau của chúng sinh, cần phải đầy đủ Tâm Đại Từ Bi này mới gọi là **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**. Tâm Đại Từ Bi là từ trong Thể Tính của Pháp Giới sinh ra, là lực lượng được sinh ra trực tiếp từ trong Tâm Bồ Đề

**2\_ Tâm Bình Đẳng:** Là biết tất cả Pháp Giới đều bình đẳng. Chư Phật, chúng sinh chẳng có sai khác, ta và Chư Phật ngang bằng không hai. Ta trì tụng Chú này tức là chư Phật cũng trì tụng Chú này, mà trong Tâm không có bất cứ ngã mạn nào, toàn bộ là ở sức Pháp Giới trì tụng Chú này, phân biệt căn bản không có ta cũng không có

Chư Phật. Ta trì tụng Chú này cúng dường tất cả chúng sinh, tất cả chúng sinh cũng phải nhận cúng dường của Đức Phật Đà. Tất cả bình đẳng, không có hai.

**3\_ Tâm Vô Vi:** Vô Vi là không chấp trước, không tác ý, tự nhiên mà khởi, không cần theo thứ tự mà tiến lên, buột miệng nói ra; tự nhiên sinh khởi, Tâm không có chướng ngại, bấy giờ tức là **Vô Trụ Sinh Tâm**, Tâm Quá khứ, hiện tại, vị lai chẳng thể đắc. Vô Vi không chế tác, tự nhiên buột miệng mà niệm.

**4\_ Tâm không có nhiễm dính** (Vô nhiễm trước): Không chấp dính cảnh giới của Chú Đại Bi, không chấp dính cảnh giới của chư Phật, không chấp dính cảnh giới của chúng sinh, không chấp dính hết thảy cảnh giới của Thần Thông, cũng không chấp dính vào công dụng của Chú Đại Bi, tất cả đều là **Như Huyền** của Hiện Quán.

**5\_ Tâm Không Quán:** Không Quán đó là như huyền. Quán sát sự trống rỗng của Tính Duyên Khởi, Như Huyền của Hiện Quán, đồng dạng cũng không có bất cứ sự nhiễm dính, ngay cả Chú Đại Bi cũng là **trống rỗng** (Sūnya: Không). Nhân vào Duyên của **trống rỗng** (Không) cho nên hay sinh khởi Chú Đại Bi.

**6\_ Tâm Cung Kính:** Cho dù chúng ta biết rõ là trống rỗng, cho dù là như huyền, cho dù là không nhiễm dính, nhưng đối với Chú Đại Bi vẫn có Tâm cung kính vô thượng, đối với Quán Thế Âm Bồ Tát có Tâm cung kính vô thượng, đối với chư Phật có Tâm cung kính vô thượng.

**7\_ Tâm Thấp Kém:** Cho dù biết các Pháp bình đẳng không hai, nhưng không tự mãn, không tự cho là đủ, cúng dường Chú này. Nói chung giống như trái đất, cúng dường tất cả, Tâm không dâng lên cao.

**8\_ Tâm không có Tạp Nhiễm:** Tâm không có tạp nhiễm là Định, buột miệng nói ra, an trụ vào trong Chú Đại Bi, Tâm không hỗn loạn bất cứ cái gì, an trụ ở cảnh giới **Đẳng Trì** (Samādhi) của Định Tuệ, là Tâm không có tạp nhiễm.

**9\_ Tâm không có Kiến Thủ:** Kiến Thủ là ở trong pháp **Ngũ Uẩn** quên loại bỏ ngã chấp, loại bỏ sự dính mắc các Pháp. Tâm không có Kiến Thủ là tương ứng với Tâm **Không Quán**, Tâm không có Kiến Thủ là **Không Quán**, đó là khởi **Hiện Không**, không có chấp dính, niệm niệm chẳng thể đắc. Là pháp môn Vô Niệm, là pháp môn Bát Nhã, là Nhất Hạnh Tam Muội. Đi, đứng, ngồi, nằm trong Nhất Hạnh đều ở trì tụng Chú Đại Bi mà không có chấp dính; tuy độ tất cả chúng sinh mà quả thực không một chúng sinh nào được độ.

**10\_ Tâm Vô Thượng Bồ Đề:** Cần phải phát khởi Tâm Vô Thượng Bồ Đề cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát và mười phương chư Phật đồng một Từ Lực, cùng với chúng sinh đồng một Bi Ngưỡng, đầy đủ Vô Thượng Bồ Đề, cứu độ tất cả chúng sinh.

Nếu hay như Pháp tụng trì Chú này, không những chỉ thông đạt Phật Pháp mà tất cả học vấn thế gian cũng đều hiểu biết hết, các loại Kinh Điển, Pháp Thuật cũng hay thông đạt, hay xua đuổi tất cả bệnh tật, cũng hay chế phục tất cả Thiên Ma và Quỷ Thần.... khiến cho không thể gây chướng ngại.

महा करुणिका सिद्धारणि  
MAHĀ-KĀRUNĪKA-CITTA-DHĀRANĪ  
ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

नमो त्रयत्रय्य

**1) Nam mô hạt la dát na đá la dạ gia**

NAMO (Quy y) RATNA (Bảo, Vật báu) TRAYĀYA (Tam đẳng, ba nhóm)

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy y Tam Bảo

नमः त्रय

**2) Nam mô a lò gia**

NAMAḤ (Quy mệnh, kính lễ) ĀRYA (Bậc thánh)

NAMAḤ ĀRYA: Quy mệnh Thánh

वज्रकेशव्य

**3) Bà lô yết đế thước bát la gia**

AVALOKITA (Quán sát, xem xét) ISVARĀYA (Đấng tự tại)

AVALOKITEŚVARĀYA: Quán Tự Tại

वज्रसूय

**4) Bồ đề tát đỏa bà gia**

BODHI (Giác tuệ, Phật Trí) SATVĀYA (Loài Hữu Tình)

BODHI-SATVĀYA : Bồ Tát (Bậc Giác Hữu Tình)

महा सूय

**5) Ma ha tát đỏa bà gia**

MAHĀ (Đại, to lớn) SATVĀYA (Loài Hữu Tình)

MAHĀ-SATVĀYA: Đại Giác Hữu Tình

महा करुणिक्य

**6) Ma ha ca lô ni ca gia**

MAHĀ (Đại) KĀRUNĪKĀYA (Bậc có Tâm Bi)

MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA: Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA: Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

ॐ

**7) Ân**

OM (Ba Thân, quy mệnh, cúng dường, cảnh giác, nhiếp phục)

OM:Quy mệnh

सर्व त्रय

**8) Tát bà la phạt duệ**

SARVA (Tất cả) RABHAYE (Cấp đẳng thường hay gánh vác đảm nhận công việc khó khăn)

SARVA RABHAYE: Tất cả Thánh Tôn hay đảm nhận các công việc khó khăn

सुद्ध नदस्य

**9) Số dát na dát tỏa**

SUDDHA (Thanh tịnh) NĀDA (Âm thanh, âm giọng) ŚYA (Đẳng nhóm)

SUDDHA-NĀDASYA: Đẳng nhóm có âm thanh thanh tịnh. Câu này có nghĩa là: Vui vẻ dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU

नमस्तु ॐ त्रय

**10) Nam mô tát kiết lật đỏa y mông a lị gia**

NAMASKṚTVĀ (Quy y kính lễ) IMAM (của tôi) ĀRYĀ (Bậc Thánh)

नमस्कृत्य इमं आर्यं

**11) Bà lô cát đế thất phật la lăng đà bà**

AVALOKITEŚVARĀ (Quán Tự Tại) LAṂTABHĀ (Sự nâng nhắc, nơi cư ngụ)

NAMASKṚTVĀ IMAM ĀRYĀ-AVALOKITEŚVARĀ LAṂTABHĀ:

Kính lễ núi Bồ Đà Lạc Ca (Potalaka:Hương sơn) là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát của tôi

नम निलकण्ठ

**12) Nam mô na la cần trì**

NAMO (Quy Mệnh) NĪLAKAṆṬHA (Thanh Cảnh: Đấng có cái cổ màu xanh biểu thị cho Tâm Từ Bi Hiền ái của Bồ Tát Quán Tự Tại)

NAMO NĪLAKAṆṬHA: Quy mệnh Đức Thanh Cảnh Bồ Tát

नमो निलकण्ठाय

**13) Hê li Ma ha bàn đá sa mê**

HṚ (Nội tâm) MAHĀ (Đại) PATA (Ánh sáng) ŚAMI (Hàm chứa ngọn lửa)

HṚ MAHĀ-PATAŚAMI:Tâm Từ Bi hiền ái phóng tỏa ánh Đại Quang minh

ह्रि महापतसामि

**14) Tát bà a tha đậu thầu bằng**

SARVĀTHĀ (Khắp mọi nơi) DU (Đốt cháy) ŚUPHAM (Chiếu sáng)

SARVĀTHĀ DU ŚUPHAM: Đốt cháy khắp mọi nơi khiến cho chiếu sáng.

Câu này biểu thị cho Vô Vi nghiêm tịnh.

सर्वथ दु सुधम

**15) A thệ dựng**

AJIYAM ( Không thể sánh, không thể vượt thắng hơn được )

AJIYAM: Vô tỷ Pháp, Vô tỷ Giáo

अजियम

**16) Tát bà tát đá na ma bà già**

SARVA (Tất cả) SATVA (Hữu tình, kẻ có Tâm dũng mãnh) NĀMA (Danh xưng) BHAGA (Đức tính, đức hạnh, sự mong muốn hạnh phúc, hiệu lực, hiệu nghiệm)

SARVA SATVA NĀMA BHAGA: Tất cả Đức hạnh, danh xưng của bậc có Tâm dũng mãnh. Câu này biểu thị cho Phật Pháp rộng lớn vô biên

सर्वसत्त्वनामभग

**17) Ma phật đặc đậu**

MĀ (Đừng làm như vậy, đừng bỏ rơi) BHĀTI (Chối lợi rục rờ) DU (Đốt cháy, Làm hư hỏng)

MĀ BHĀTI DU: Đừng làm hư hỏng sự chói lợi rục rờ. Câu này biểu thị cho Bạn lành của Thế Gian mang thân cõi Trời (Thiên Thân Thế Hữu) khiến cho kẻ tu hành hết mê muội, giữ được Giới Thanh Tịnh

17 câu trên là phần: “QUY KÍNH TÔN ĐỨC MÔN”

ननु

**18) Đát diệt tha**

TADYATHĀ: như vậy, ấy là, liền nói Thần Chú là

उ ननु

**19) Ân, a bà lô hê**

OM (Ba Thân, Quy mệnh, cảnh giác, cúng dường, nhiếp phục)

AVALOKI (Quán sát xem thấu khắp mọi nơi )

**OM AVALOKI:** Cảnh giác kêu gọi Đức Quán Thế Am

ॐ ॐ

**20) Lô ca đế**

LOKATE (Hiểu biết, chiếu sáng)

**LOKATE:** Biểu hiện cho Thể Quang Minh

ॐ ॐ

**21) Ca la đế**

KALATI (Tính đếm, trù hoạch, dự định, đặt đề)

**KALATI:** Biểu thị cho lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn để hưng vượng sự nghiệp

ॐ ॐ

**22) Di hê lị**

I (Kêu gọi vang lừng) HELIH (Mặt Trời , sự chiếu sáng một cách vô tư)

**I HELIH:** Thuận dạy Vô Tâm phổ hóa chúng sinh

ॐ ॐ ॐ

**23) Ma ha bồ đề tát đỏa**

MAHĀ-BODHISATVA: Đại Bồ Tát

ॐ ॐ ॐ

**24) Tát bà tát bà**

SARVA (tất cả)

**SARVA SARVA:** Hết thấy Phật Pháp Bình Đẳng làm lợi lạc cho tất cả Chúng

Sinh

ॐ ॐ

**25) Ma la ma la**

MĀLA (Chuỗi Anh lạc, tràng hoa biểu thị cho sự gom chứa Pháp lành)

**MĀLA MĀLA:** Tặng thưởng Thiện Pháp Như Ý cho ta và người

ॐ ॐ ॐ ॐ

**26) Ma hê ma hê lị đà dượng**

MASĪ (Nhìn về , trông vào , xem xét) HRDAYAM (Tâm Đẳng)

**MASĪ MASĪ HRDAYAM:** Quán sát Tâm mình và Tâm người để tu thành thân

Kim Cương Pháp được ngồi trên Toà Hoa Sen báu

9 câu trên là phần: “PHỔ CHÚNG ĐẠI BI TÂM MÔN”

ॐ ॐ ॐ ॐ

**27) Câu lô câu lô yết môn**

KURU (Tác làm) KARMAM (Nghệp Đẳng)

**KURU KURU KARMAM:** Làm Pháp tác dụng Trang Nghiêm, thổi Loa Pháp kết Giới, gieo trồng các Công Đức

ॐ ॐ ॐ ॐ

**28) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế**

TURU (Nhanh chóng vượt thoát) BHAṢI (Ngôn ngữ, giáo pháp) YATI (Điều khiển hướng dẫn)

**TURU TURU BHAṢI YATI:** Hướng dẫn giáo pháp nghiêm tịnh rộng khắp khiến cho ta và chúng sinh nhanh chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử

2 câu trên là phần: “TỊNH HÓA LỤC ĐẠO MÔN”

ॐ ॐ ॐ ॐ

**29) Ma ha phạt xà gia đế**



MAHĀ-BHAṢI YATI: Hướng dẫn Đạo Pháp tối thượng rộng lớn hay giải thoát sinh tử khổ não chẳng bị các thứ độc làm hại

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**30) Đà la đà la**

DHĀRA (Nhiếp trì, gia trì)

**DHĀRA DHĀRA:** Gia trì, gia trì

𑖀𑖩𑖩

**31) Địa li ni**

DHIRINI: Người Trì Chú (chẳng luận Nam Nữ)

𑖀𑖩𑖩𑖩

**32) Thất phật la gia**

ÍSVARĀYA (Tự Tại Đẳng)

**ÍSVARĀYA:** Tự tại phóng ra Đại Quang Minh

4 câu trên là phần: “THIỆN MINH QUÁN ĐỈNH MÔN”

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**33) Giá la giá la**

CALA (Lay động, tác động, hành động)

**CALA CALA:** Hiện tướng Đại Phần Nộ rống tiếng sám Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh

𑖀𑖩 𑖀𑖩𑖩

**34) Ma ma phật ma la**

MAMA (Chỗ thọ trì của tôi) VIMALA ( Xa lìa cấu nhiễm )

**MAMA VIMALA:** Chỗ thọ trì của tôi là nơi ly cấu tối thắng, là cảnh thâm diệu khó lường

𑖀𑖩

**35) Mục đế lệ**

MUKTE: Giải thoát

𑖀𑖩𑖩

**36) Y hê di hê**

EHYEHI (Khéo đến, khéo dạy dỗ)

**EHYEHI:** Thuận dạy, Tâm thuận theo các điều tự nhiên

𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩

**37) Thất na thất na**

ŚINA (Quân nhân, chiến sĩ. Người có Tâm Kiên Định)

**ŚINA ŚINA:** Tâm Đại kiên định sinh Đại Trí Tuệ

𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩

**38) A la sâm phật la xá lợi**

ARASIM (Sự trống rỗng về cảm giác và mùi vị) BHALA (Trông thấy, chứng kiến) ŚARI (Loài thú hoang, mãnh thú, trực giác nhạy bén)

**ARASIM BHALA ŚARI:** Tu hành Pháp Thân thanh tịnh vượt ra khỏi các pháp chướng ngại (chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp) mà làm Bạc Pháp Vương ở Pháp Tự Tại

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**39) Phật xa phật sâm**

BHAṢĀ (Ngôn ngữ, giáo pháp) BHAṢIM (Người thành thạo ngôn ngữ , người có Đạo Hạnh)

**BHAṢĀ BHAṢIM:** Kể Đạo Hạnh thành Đạo Chân Lạc

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**40) Phật la xá gia**

BHARA (Ứng hộ, tán trợ) ŚAYA (Ngoạ, nằm. Dùng Pháp Y đắp thân nằm, chính niệm chính giác mà chẳng mất uy nghi)

**BHARA ŚAYA:** Tự tỉnh ngộ Bản Lai Diện Mục (Khuôn mặt xưa nay. Đây là thuật ngữ của Thiền Tông nhằm chỉ bậc đã kiến Tính)

𑖀𑖩 𑖀𑖩 𑖀

**41) Hô lô hô lô ma la**

HULU (Nhanh chóng) PRA (Sự thắng thượng như ý)

**HULU HULU PRA:** nhanh chóng làm pháp Như Ý Thắng thượng

𑖀𑖩 𑖀𑖩 𑖀𑖩

**42) Hô lô hô lô hê li**

HULU (nhanh chóng) ŚRĪ (Cát tường)

**HULU HULU ŚRĪ:** Nhanh chóng làm pháp Cát Tường tự tại

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**43) Sa la sa la**

SARA (Kiên cố, bền chắc)

**SARA SARA:** Sức kiên cố, thật bền chắc

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**44) Tất li tất li**

SIRI (Dững mãnh thù thắng)

**SIRI SIRI:** Dững mãnh thù thắng cát tường

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**45) Tô rô tô rô**

SURU (Ban rải nước Cam Lộ)

**SURU SURU:** Ban nước Cam Lộ tế độ khắp cả chúng sinh

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**46) Bò đề dạ, bò đề dạ**

BUDHIYA (Giác ngộ, tỉnh ngộ)

**BUDDHIYA BUDDHIYA:** Khiến cho khắp cả chúng sinh Giác ngộ tỉnh ngộ

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**47) Bò đà dạ, bò đà dạ**

BUDDHĀYA (Tuệ giác, Trí giác)

**BUDDHĀYA BUDDHĀYA:** Khiến cho khắp cả chúng sinh đạt được Tuệ Giác Trí Giác

15 câu trên là phần: “THẦN LỰC GIA TRÌ MÔN”

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**48) Di đế li dạ**

MAITRIYA: Tâm Từ, ban vui cho người khác

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**49) Na la cần trì**

NĪLAKAṆṬHA (Thanh cảnh, cái cỏ màu xanh)

**NĪLAKAṆṬHA:** Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Đấng Hiền Thủ hay thương yêu kẻ hiền bảo vệ người lành

𑖀𑖩 𑖀𑖩

**50) Tha li sắt ni na**

TRI (Ba) ŚARANA (sự cứng bén)

TRISARANA: cương quyết tu Đạo của Ba Thừa (Thanh Văn Giác, Độc Giác, Toàn Giác )

त्रिसरय म्म

**51) Bà dạ ma na**

ABHAYA (Bậc vô úy) MAṆA (Tâm ý )

ABHAYA MAṆA: Tâm Ý của Đẳng Vô Úy

अन

**52) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

(सहय

**53 ) Tát đà dạ**

SIDDHIYA (Thành tựu đẳng)

SIDDHIYA: Pháp cởi bỏ danh lợi, nhận thức rõ các điều chân giả

अन

**54) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

मन (सहय

**55) Ma ha tát đà dạ**

MAHĀ-SIDDHIYA (Đại thành tựu đẳng)

MAHĀ-SIDDHIYA: Tất cả sự lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp

अन

**56) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

(सह यम

**57) Tát đà dụ nghệ**

SIDDHA (Thành tựu) YOGA (Du già, sự tương ứng)

SIDDHAYOGA: Thành tựu Du Già, tức là Pháp Vô Vi

अनय

**58) Thất bàn la dạ**

ISVARĀYA: Tụ tại đẳng

Siddhayoga+ Ísvarāya = siddhayogeśvarāya

अन

**59) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

निलकण्ठ

**60) Na la cần trì**

NĪLAKANṬHA: Đẳng Thanh Cảnh Bồ Tát biểu thị cho Công Đức nội chứng của Quán Tụ Tại Bồ Tát là Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái

अन

**61) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

प्रयन मुखय

**62) Ma la na la**

PRA (Thắng thượng) VARĀHA (heo) MUKHĀYA (khuôn mặt)

**PRAVARĀHA-MUKHĀYA:** Khuôn mặt heo trắng thượng biểu thị cho Đạo Như ý trắng thượng vô lượng bền chắc

ॐ

**63) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

ॐ ॐ ॐ ॐ

**64) Tất la tăng a mục khư gia**

ŚRĪ (Cát Tường) SIMHA (Sư Tử) MUKHĀYA (Diện mạo, khuôn mặt)

**ŚRĪ-SIMHA-MUKHĀYA:** Khuôn mặt sư tử cát tường biểu thị cho Tâm ái Hộ làm Đại Y Vương trừ các bệnh khổ não cho tất cả chúng sinh

ॐ

**65) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

ॐ ॐ ॐ ॐ

**66) Sa bà ma ha a tất đà dạ**

SARVA (Tất cả) MAHĀ (Đại, to lớn) MUKTĀYA (Viên ngọc)

**SARVA MAHĀ-MUKTĀYA:** Tất cả viên ngọc to lớn biểu thị cho Tất cả Pháp Đại Thừa vô thượng vô tỷ

ॐ

**67) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

ॐ ॐ ॐ ॐ

**68) Giả cát la a tất đà dạ**

CAKRĀ (Luân, bánh xe) YUDHĀYA (Cây gậy)

**CAKRĀ YUDHĀYA:** Đạo Thanh Tịnh vô thượng dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán

ॐ

**69) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

ॐ ॐ ॐ ॐ

**70) Ba đà ma yết tất đà dạ**

PADMA (Hoa sen hồng) HASTĀYA (Thủ đảnh, bàn tay)

**PADMA-HASTĀYA:** Liên Hoa Thủ Đảnh (chư vị cầm hoa sen trong bàn tay), tức là Pháp Thiện Thắng của hoa sen hồng hay giải thoát tất cả sự trói buộc của khổ não

ॐ

**71) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

ॐ ॐ ॐ ॐ

**72) Na la cản trì bàn già la gia**

NĪLAKAṆṬHA (Thanh Cảnh) ŚAṆKHA (vỏ ốc biểu thị cho cái loa Pháp) RĀJA (Vương, vua chúa)

**NĪLAKAṆṬHA-ŚAṆKHA-RĀJA:** Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bò Tát biểu thị cho sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ sự ách nạn sợ hãi

ॐ

**73) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

म वरि षंकराय

**74) Ma bà lị thắng yết la dạ**

MĀ (Đùng buông bỏ) VARI (Tâm nguyện) ŚĀṆKARĀYA (Sự cầu tỏa)

MĀ VARI ŚĀṆKARĀYA: Đùng buông bỏ sự cầu tỏa của Tâm nguyện tức là bản tính Đại chí đại dũng của hàng Bồ Tát

मू

**75) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

28 câu trên là phần: “THÂM NHẬP ĐẠI BI TÂM MÔN”

नमो रत्न त्रयाय

**76) Nam mô hạt la đất na đá la dạ gia**

NAMO (Quy y , quy mệnh) RATNA (Bảo, vật báu) TRAYĀYA (Ba nhóm)

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy y ba báu: Phật, Pháp, Tăng

नमः रत्न

**77) Nam mô a lị gia**

NAMAḤ (Quy mệnh) ĀRYA (Thánh)

वज्रकेत

**78 ) Bà lô cát đế**

AVALOKITA (Quán , xem xét khắp nơi)

ॐ श्रवणाय

**79 ) Thước bàn la dạ**

ISVARĀYA (Tự tại đẳng)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA: Quy mệnh Đức Thánh Quán Tự

Tại

मू

**80 ) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn công đức nội chứng

5 câu trên là phần: “HIỆN HIỆN ĐẠI BI TÂM MÔN”

ॐ (मङ्गलं यजुः)

**81) Ân tất điện đô**

OM (Thân khẩu ý) SIDDHI (Thành tựu) YANTU (Ban cho)

(SIDDHI YANTU viết gọn lại thành SIDDHYANTU)

मंत्र

**82) Mạn đá la**

MANTRA: Thần Chú, Chân Ngôn

पदय

**83) Bạt đà gia**

PADĀYA: Câu cú

मू

**84) Sa bà ha**

SVĀHĀ: Thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn

4 câu trên là phần: “THÀNH TỰU NIẾT BÀN MÔN”

# ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Việt dịch: HUYỀN THANH

## 1) Quy kính Tôn Đức Môn:

- Con xin quy y Phật Pháp Tăng thường ở khắp mười phương
- Con xin quy mệnh Bạc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát
- Con xin quy mệnh tất cả các bậc Thánh thanh tịnh hay dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU
- Con xin kính lễ núi Bồ Đà Lạc Ca là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại
- Con xin quy mệnh Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Bạc có Tâm từ bi hiền ái hay phóng tỏa ánh quang minh vô vi nghiêm tịnh, dạy Pháp không thể sánh là Phật Pháp rộng lớn vô biên khiến cho kẻ tu hành hết si mê giữ được giới thanh tịnh

## 2) Phổ chứng Đại Bi Tâm Môn:

Như vậy:

- Hỡi Đức Quán Thế Âm! Ngài là bậc Đại Bồ Tát biểu hiện cho Thế Quang Minh, thường mang lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn hóa độ khắp cả chúng sinh
- Xin Ngài đem Phật Pháp bình đẳng làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh, giúp cho họ tăng trưởng Thiện Pháp Như Ý Thắng Thượng, tu thành thân Kim Cương, ngồi trên tòa hoa sen báu.

## 3) Tịnh hóa Lục Đạo Môn:

- Xin Ngài làm Pháp tác dụng trang nghiêm, thối Loa Pháp kết giới khiến cho chúng sinh gieo trồng Công Đức, tu hành theo Giáo Pháp Nghiêm Tịnh rộng khắp để mau chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử.

## 4) Thiện Minh Quán Đỉnh Môn:

- Xin Ngài đem Pháp Tối Thượng rộng lớn gia trì cho người trì Chú, khiến họ được Pháp Quang Minh tự Tại.

## 5) Thần Lực Gia Trì Môn:

- Xin Ngài hiện tướng Đại Phẫn Nộ, rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh, hiển hiện Đạo Cảnh Ly Cấu Tối Thắng thâm diệu khó lường, khiến cho người tu Pháp Giải Thoát thuận theo các điều tự nhiên, mau chóng kiên định Đạo Tâm, sinh Trí Tuệ lớn, tu thành Pháp Thân thanh tịnh, vượt ra khỏi các Pháp chướng ngại (chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp) mà làm Bạc Pháp Vương ở Pháp tự tại.
- Xin Ngài hãy khiến cho người có Đạo Hạnh tự chứng ngộ được Bản Lai Diện Mục
- Xin Ngài làm Pháp Như Ý Thắng Thượng, Pháp Cát Tường Tự Tại và đem sức kiên cố dũng mãnh thù thắng rưới nước Cam Lộ bất tử, tế độ khắp cả chúng sinh khiến cho họ giác ngộ thành đạt Trí Giác.

### **6) Thâm nhập Đại Bi Tâm Môn:**

- Xin Đấng Đại Từ Thanh Cảnh Bồ Tát hãy thương yêu kẻ hiền, bảo hộ người lành khiến cho họ cương quyết tu hành Đạo của Ba Thừa, thành tựu viên mãn Tâm Ý của Đấng Vô Úy và thành tựu mọi sự như:

- . ) Thành tựu viên mãn Pháp cõi bỏ danh lợi và nhận biết rõ các điều chân giả
- . ) Thành tựu viên mãn tất cả điều lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp
- . ) Thành tựu viên mãn Pháp Du Già Tụ Tại
- . ) Thành tựu viên mãn Chính Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái của Đức Thanh Cảnh Bồ Tát
- . ) Thành tựu viên mãn Đạo Như Ý Thắng Thượng bền chắc
- . ) Thành tựu viên mãn Pháp Đại Y Vương hay trừ bỏ các bệnh khổ não cho chúng sinh
- . ) Thành tựu viên mãn Đạo Vô Thượng thanh tịnh, dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán
- . ) Thành tựu viên mãn Pháp Thiện thắng của hoa sen hồng để thoát khỏi sự trói buộc của khổ não
- . ) Thành tựu viên mãn sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ mọi ách nạn sợ hãi của Đấng Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát
- . ) Thành tựu viên mãn bản tính Đại Chí Đại Dũng của Bạc Đại Bồ Tát.

### **7) Hiện hiện Đại Bi Tâm Môn:**

- Nay con xin quy y ba Báu Phật Pháp Tăng
- Nay con xin quy mệnh công đức nội chứng của Đức Thánh Quán Tụ Tại Bồ Tát.

### **8) Thành tựu Niết Bàn Môn:**

- Nguyện cho thân khẩu ý của con mau chóng tương ứng với sự thành tựu Chân Ngôn cú để thọ hưởng mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn.

